TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH A GIAG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 3 – 2024
"V/v trAh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, trAh chấp về nuôi con"

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH A GIAG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà PhA Thị Nga;

2. Ông Đặng Văn Tâm.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh A GiAg.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh A GiAg tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thụy Thùy TrAg - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 830/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc "trAh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, trAh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Bình Quới, xã Hòa A, huyện Chợ Mới, tỉnh A GiAg; địa chỉ liên lạc: khu phố Bình Phước A, đường Bình Chuẩn 28, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Bình Quới, xã Hòa A, huyện Chợ Mới, tỉnh A GiAg; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X trình bày, do tự tìm hiểu, bà X và ông T

kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã Hòa A, huyện Chợ Mới, tỉnh A GiAg vào ngày 15/10/2008. Trong thời giA chung sống, vợ chồng có sinh có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Yến, sinh ngày 30/6/2007, Lê Công Minh, sinh ngày 30/10/2009. Hiện tại, 02 con chung đAg được bà X nuôi dưỡng.

Thời giA chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quA điểm, ông T không lo làm ăn, không phụ giúp kinh tế nuôi con. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay, thời giA này không lui tới thăm nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông T; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dạy con chung. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 347, quyển số II/2008, ngày 15/10/2008 do Ủy bA nhân dân xã Hòa A, huyện Chợ Mới, tỉnh A GiAg cấp cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Kim X (bản chính); giấy khai sinh số 497 ngày 15/10/2008 do Ủy bA nhân dân xã Hòa A, huyện Chợ Mới, tỉnh A GiAg cấp đối với Nguyễn Thị Ngọc Yến (bản sao); giấy khai sinh số 579 ngày 09/11/2009 do Ủy bA nhân dân xã Hòa A, huyện Chợ Mới, tỉnh A GiAg cấp đối với Lê Công Minh (bản sao).

- Bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quA hệ hôn nhân, bà X và ông T kết hôn, có đăng ký kết hôn nên quA hệ hôn nhân giữa bà X và ông T hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quA điểm, ông T không lo làm ăn, không phụ giúp kinh tế nuôi con. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay, thời giA này không lui tới thăm nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà X yêu cầu ly hôn với ông T. Bà X, ông T không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X đối với ông T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà X, giao 02 cháu Yến, Minh cho bà X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, do bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X đối với ông T; bà X được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Kim X khởi kiện yêu cầu ly hôn với Lê Văn T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là trAh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Kim X có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà X, ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà X và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quA hệ hôn nhân giữa bà X và ông T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà X xác định, trong thời giA chung sống đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quA điểm, ông T không lo làm ăn, không phụ giúp kinh tế nuôi con. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay, thời giA này không lui tới thăm nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời giA chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quA điểm, ông T không lo làm ăn, không phụ giúp kinh tế nuôi con. Vợ chồng không còn chung sống với

nhau từ năm 2020 đến nay, thời giA này không lui tới thăm nhau. Vợ chồng không quA tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà X. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà X, ông T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X đối với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà X xác định trong thời giA chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Yến, sinh ngày 30/6/2007, Lê Công Minh, sinh ngày 30/10/2009, hiện 02 con chung đAg sinh sống với bà X, bà X yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung.

Xét thấy, con chung đAg được bà X chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp các cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Đồng thời, theo biên bản ghi ý kiến ngày 23/01/2024 do cán bộ Tòa án lập, cháu Yến, cháu Minh đã có nguyện vọng sống chung với mẹ (bà X) khi cha mẹ ly hôn, do đó Hội đồng xét xử giao con chung cho bà X được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà X xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim X.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim X được ly hôn với ông Lê Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 347, quyển số II/2008, ngày 15/10/2008 do Ủy bA nhân dân xã Hòa A, huyện Chợ Mới, tỉnh A GiAg cấp cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Kim X không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim X được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Yến, sinh ngày 30/6/2007, Lê Công Minh, sinh ngày 30/10/2009. Ông Lê Văn không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Nguyễn Thị Kim X cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quA có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014755 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh A GiAg cấp ngày 06 tháng 12 năm 2023; bà Nguyễn Thị Kim X đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Thời hạn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh A GiAg xét xử phúc thẩm của bà Nguyễn Thị Kim X, ông Lê Văn T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAD tỉnh A GiAg (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã Hòa A, huyện Chợ Mới, tỉnh A GiAg (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy